



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 219.../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thành Anh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2021 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 20/08/2021).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHCTH





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
C.TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI

Số: 220..... /HEID - CV

V/v: Giải trình chênh lệch tăng LNST trong
BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 so
với năm 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) đã có Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2021 gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Tuy nhiên một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2021 có tăng hơn so với cùng kỳ năm 2020 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

Năm 2020, dưới tác động của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid 19, để đảm bảo an toàn, học sinh cả nước phải nghỉ hầu hết học kì II năm học 2019-2020. Công ty mẹ là đơn vị kinh doanh sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách tham khảo... nên là ngành nghề bị ảnh hưởng trực tiếp bởi đại dịch nói chung và của việc học sinh nghỉ học nói riêng. Năm 2021, cùng với sự kiểm soát tốt dịch bệnh của Chính phủ trong 6 tháng đầu năm, cộng với việc Công ty mẹ tập trung đẩy sớm kỳ phát hành nhằm ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh nên doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng với cùng kỳ năm 2020 (chênh lệch trên 10%).

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT
- Lưu TCHC



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được soát xét)

MSD/21

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05 - 45
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102222393 cấp lần đầu ngày 17/04/2007 và thay đổi lần thứ 04 ngày 26/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa điểm đăng ký kinh doanh: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch	
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2021)
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2021)
Ông Lê Thành Anh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2021)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2021)
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thành Anh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2021)
Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2021)
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/06/2021)
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/06/2021)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Ce Thanh Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021



Số: 200821.007/BCTC.KT5

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 20/08/2021, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

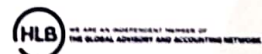


Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021



T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



aasc.com.vn

AASC AUDITING FIRM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		619.677.549.229	397.713.978.478
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	168.250.344.758	172.955.652.798
111	1. Tiền		15.250.344.758	20.955.652.798
112	2. Các khoản tương đương tiền		153.000.000.000	152.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	18.647.510	10.014.727.500
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(100.128.890)	(104.048.900)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		287.424.695.399	61.022.073.423
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	293.538.982.411	62.827.535.703
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.070.722.317	15.526.463.856
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.063.387.267	7.546.507.803
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(27.248.396.596)	(24.878.433.939)
140	IV. Hàng tồn kho	9	153.803.356.559	145.122.760.395
141	1. Hàng tồn kho		175.126.573.842	158.502.058.472
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.323.217.283)	(13.379.298.077)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.180.505.003	8.598.764.362
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	10.097.199.119	8.333.077.929
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		78.411.591	75.440.027
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	4.894.293	190.246.406

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		78.566.557.334	81.141.644.641
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		381.800.000	381.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	381.800.000	381.800.000
220	II. Tài sản cố định		76.573.750	312.106.160
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	76.573.750	312.106.160
222	- Nguyên giá		11.774.007.673	11.774.007.673
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.697.433.923)	(11.461.901.513)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	54.964.209.968	56.709.105.518
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.280.567.675)	(30.535.672.125)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	300.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	-	300.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	21.100.950.485	20.106.569.294
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		17.888.450.485	16.894.069.294
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.043.023.131	3.332.063.669
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	153.730.985	183.243.425
269	2. Lợi thế thương mại	14	1.889.292.146	3.148.820.244
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		698.244.106.563	478.855.623.119

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		374.217.839.255	171.465.850.288
310	I. Nợ ngắn hạn		371.928.749.252	168.891.098.283
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	169.077.182.819	52.771.657.624
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		714.722.703	817.973.069
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	10.236.913.434	3.709.488.283
314	4. Phải trả người lao động		20.213.928.767	16.476.809.151
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	126.636.061.293	35.427.828.018
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		70.943.182	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	940.240.275	791.691.327
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	40.878.116.582	51.451.447.992
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.160.640.197	7.444.202.819
330	II. Nợ dài hạn		2.289.090.003	2.574.752.005
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.575.933.000	1.569.835.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30	713.157.003	1.004.917.005
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		324.026.267.309	307.389.772.831
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	324.026.267.309	307.389.772.831
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.934.655.948	1.934.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		94.116.162.145	84.085.450.855
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		21.240.214.238	21.240.214.238
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		55.235.940.914	48.549.970.208
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		20.519.258.918	10.793.782.399
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		34.716.681.996	37.756.187.809
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.499.294.063	1.579.481.582
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		698.244.106.563	478.855.623.119



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu


 Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	499.401.710.474	388.271.639.402
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	12.205.815.027	1.604.909.232
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		487.195.895.447	386.666.730.170
11	4. Giá vốn hàng bán	24	342.369.079.406	268.093.348.920
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.826.816.041	118.573.381.250
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.468.131.128	1.478.658.321
22	7. Chi phí tài chính	26	6.459.458.276	8.750.589.346
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.319.884.980	2.722.145.400
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		994.381.191	911.699.611
25	9. Chi phí bán hàng	27	69.484.475.886	50.923.743.881
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	28.746.313.570	26.955.356.261
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.599.080.628	34.334.049.694
31	12. Thu nhập khác		28.634.518	4.634.869
32	13. Chi phí khác		9.373.947	332.105
40	14. Lợi nhuận khác		19.260.571	4.302.764
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.618.341.199	34.338.352.458
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	9.171.240.343	7.192.086.618
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30	(291.760.002)	(214.161.975)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>34.738.860.858</u>	<u>27.360.427.815</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		34.717.048.377	27.428.368.092
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		21.812.481	(67.940.277)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.314	1.829

gh

Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình

Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2021	năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.618.341.199	34.338.352.458
	2. Điều chỉnh cho các khoản		11.577.417.204	14.986.647.671
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		3.239.956.058	3.740.757.488
03	- Các khoản dự phòng		10.309.961.853	10.874.180.117
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.292.385.687)	(2.350.435.334)
06	- Chi phí lãi vay		1.319.884.980	2.722.145.400
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		55.195.758.403	49.325.000.129
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(228.231.097.235)		(199.668.044.473)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(16.624.515.370)		(3.582.887.283)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	209.944.106.212		111.620.312.734
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(1.734.608.750)		15.736.124.340
14	- Tiền lãi vay đã trả	(1.330.513.581)		(2.745.285.717)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.204.074.953)		(1.220.961.638)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-		115.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4.283.929.003)		(3.889.595.334)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.731.125.723	(34.310.337.242)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		300.000.000	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	20.000.000.000
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.356.200.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.938.897.647	1.386.769.978
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.238.897.647	24.742.969.978
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		135.245.021.587	155.587.359.285
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(145.818.352.997)		(175.784.848.571)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(18.102.000.000)		(19.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(28.675.331.410)	(39.697.489.286)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(4.705.308.040)	(49.264.856.550)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	172.955.652.798	68.289.134.329
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<u>3</u> <u>168.250.344.758</u>	<u>19.024.277.779</u>

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102222393 cấp lần đầu ngày 17/04/2007 và thay đổi lần thứ 04 ngày 26/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa điểm đăng ký kinh doanh: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 135 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 134 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn Quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới). Đặc điểm này dẫn đến số dư một số khoản mục như Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải trả người bán ngắn hạn, Chi phí phải trả ngắn hạn, Hàng tồn kho tại thời điểm ngày 30 tháng 06 hàng năm sẽ tăng mạnh so với thời điểm đầu năm.

Tình hình in và phát hành sách giáo khoa cho năm học 2021-2022 ít bị gián đoạn do ảnh hưởng của dịch Covid - 19 hơn năm học trước do không phải thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài như cùng kỳ trước; nhà xuất bản, các nhà in và Công ty cũng đã chủ động các phương án để đẩy mạnh hoạt động phát hành sách nhằm thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc đảm bảo cung ứng sách giáo khoa đầy đủ cho các cấp học đặc biệt là các lớp 1, 2, 6 áp dụng theo chương trình sách giáo khoa mới có thời gian phê duyệt, tập huấn, phân phối sách đến các địa bàn hoàn

thành trước ngày 31/7. Công ty cũng đã nỗ lực trong việc duy trì các thị trường, địa bàn tiêu thụ truyền thống, đồng thời đẩy mạnh công tác giới thiệu các sách giáo khoa mới mà Công ty phát hành và phân phối đến các địa bàn tiềm năng. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức tốt công tác tập huấn, hướng dẫn sách mới đã góp phần đáng kể vào việc duy trì và phát triển thị trường tiêu thụ. Ngoài ra, Tình trạng in lậu và tiêu thụ các loại sách giáo khoa giả giảm sau khi các cơ quan chức năng liên tiếp phát hiện và khởi tố các vụ án in lậu và tiêu thụ sách giáo khoa giả có quy mô lớn trong giai đoạn vừa qua đã phần nào giúp trả lại thị trường cho các đơn vị phát hành sách giáo khoa chính thống như Công ty. Các nguyên nhân chủ yếu nêu trên dẫn đến sản lượng tiêu thụ sách của Công ty tăng mạnh đồng thời các chi phí bán hàng như chi môi giới phát hành, chi phí tập huấn sách cũng tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng ban giám đốc đánh giá khó có khả năng thu hồi.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BBC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BBC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BBC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BBC, BBC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BBC.

2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.
- Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 12 tháng.
- Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động là doanh thu cho thuê tại tòa nhà K3B Thành Công địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội, được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

2.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.851.384.456	1.155.542.269
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.398.960.302	19.800.110.529
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	153.000.000.000	152.000.000.000
	168.250.344.758	172.955.652.798

⁽¹⁾ Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 153.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất từ 3,3% - 3,5%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	-	-	10.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	10.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Trái phiếu ⁽¹⁾	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	2.000.000.000	-	12.000.000.000	-

⁽¹⁾ Công ty mua 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 (100 trái phiếu) và năm 2019 (100 trái phiếu) với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	30/06/2021			01/01/2021			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Cổ phiếu chưa niêm yết ^(a)	97.000.000	11.550.000	(85.450.000)	97.000.000	9.800.000	(87.200.000)	
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	STL	74.600.000	1.950.000	(72.650.000)	74.600.000	1.800.000	(72.800.000)
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	PHH	22.400.000	9.600.000	(12.800.000)	22.400.000	8.000.000	(14.400.000)
Cổ phiếu đã niêm yết ^(a)	21.776.400	7.097.510	(14.678.890)	21.776.400	4.927.500	(16.848.900)	
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	LSS	21.500.000	7.043.750	(14.456.250)	21.500.000	4.887.500	(16.612.500)
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	QNC	276.400	53.760	(222.640)	276.400	40.000	(236.400)
	118.776.400	18.647.510	(100.128.890)	118.776.400	14.727.500	(104.048.900)	

^(a) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống tại ngày 31/12/2020 và ngày 30/06/2021. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/12/2020 và ngày 30/06/2021 trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

Địa chỉ	30/06/2021			01/01/2021			
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	
			VND			VND	
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	17.888.450.485	46,34%	46,34%	16.894.069.294
			17.888.450.485			16.894.069.294	

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã chứng khoán	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ^(iv)	VND	VND	VND	VND
EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-

^(iv) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư khác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (mã chứng khoán: EPH) được xác định theo giá đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày 01/01/2021 và 30/06/2021 lần là: 1.042.750.000VND, 1.151.875.000 VND.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà	48.394.595.980	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	22.833.597.280	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	26.285.697.948	-	24.630.830	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Hải Dương	12.543.525.761	(3.751.822.778)	5.359.746.826	(2.151.280.104)
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	11.107.930.677	(6.766.510.675)	9.666.443.821	(3.150.138.628)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	3.811.147.521	(2.207.677.120)	16.286.548.291	(10.336.609.076)
- Các khách hàng khác	168.562.487.244	(8.986.150.987)	31.490.165.935	(2.765.477.034)
	293.538.982.411	(21.712.161.560)	62.827.535.703	(18.403.504.842)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	42.178.072.691	-	25.051.442.876	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhà Máy in Bộ quốc phòng	-	-	6.335.749.647	-
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	5.209.792.134	-	5.210.278.134	-
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.621.200.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục AES	1.017.957.990	-	1.249.334.025	-
Các nhà cung cấp khác	4.221.772.193	(21.800.000)	2.731.102.050	(21.800.000)
	12.070.722.317	(21.800.000)	15.526.463.856	(21.800.000)
b) Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan	1.621.200.000	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm	23.857.048	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi	781.169.864	-	422.063.015	-
Tạm ứng	753.822.117	-	308.229.617	-
Ký cược, ký quỹ	257.911.400	-	175.250.000	-
Phải thu khác	7.246.626.838	(6.649.506.539)	6.640.965.171	(6.453.129.097)
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ⁽¹⁾	6.649.506.539	(6.649.506.539)	6.453.129.097	(6.453.129.097)
- Các khoản phải thu khác	597.120.299	-	187.836.074	-
	9.063.387.267	(6.649.506.539)	7.546.507.803	(6.453.129.097)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	381.800.000	-	381.800.000	-
	381.800.000	-	381.800.000	-
c) Trong đó: phải thu khác là bên liên quan	6.649.506.539	(6.649.506.539)	6.453.129.097	(6.453.129.097)

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)

⁽¹⁾ Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Trong năm 2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Tuy nhiên đến nay, chủ đầu tư vẫn chưa thực hiện được chủ trương này. Công ty đánh giá công tác chuyển nhượng lại dự án để thu hồi vốn là rất khó khăn và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu này.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hải Dương	5.359.746.826	1.607.924.048	5.359.746.826	3.208.466.722
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.666.443.821	2.899.933.146	9.666.443.821	6.516.305.193
Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội	6.649.506.539	-	6.453.129.097	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương	2.207.677.120	-	10.336.609.076	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Nghệ An	3.306.126.052	2.314.288.236		
Các đối tượng nợ phải thu khác	17.898.879.598	11.017.837.930	3.088.345.099	301.068.065
	45.088.379.956	17.839.983.360	34.904.273.919	10.025.839.980

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

⁽¹⁾ Do tình hình tiêu thụ bộ sách Tiếng anh 3S (Express) gặp nhiều khó khăn nên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này trong các năm trước, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Năm nay, theo thỏa thuận giữa hai bên, Công ty đã đồng ý nhận trả lại bộ sách Tiếng Anh 3S (Express) của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam, Công ty đã đồng thời hạch toán giảm nợ phải thu và dự phòng tương ứng đối với công ty này và ghi nhận một khoản hàng bán bị trả lại giá trị 10.483.753.120 VND (Thuyết minh 23). Công ty cũng đã đánh giá để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các loại sách nhận trả lại (Xem Thuyết minh 9).

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.129.809.875	-	50.551.745.227	-
Công cụ, dụng cụ	2.067.675	-	2.299.950	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.107.187.601	-	25.757.634.097	-
Thành phẩm ⁽¹⁾	83.398.173.500	(21.323.217.283)	26.788.360.432	(13.379.298.077)
Hàng hoá	50.001.544.422	-	42.186.024.995	-
Hàng gửi đi bán	3.487.790.769	-	13.215.993.771	-
	175.126.573.842	(21.323.217.283)	158.502.058.472	(13.379.298.077)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

⁽ⁱ⁾ Trong kỳ, Công ty nhập lại bộ sách Tiếng Anh 3S (Express) do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam trả lại do khó tiêu thụ, Công ty đã lập hội đồng đánh giá trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các đầu sách này bằng 100% trị giá vốn tương ứng với giá trị 7,9 tỷ VND (Xem Thuyết minh 24).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽ⁱ⁾	6.670.614.443	7.541.536.737
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ⁽ⁱⁱ⁾	772.294.612	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	382.558.929	532.541.192
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	2.271.731.135	259.000.000
	10.097.199.119	8.333.077.929
b) Dài hạn		
- Chi phí mua bản quyền in sách	153.730.985	183.243.425
	153.730.985	183.243.425

⁽ⁱ⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

⁽ⁱⁱ⁾ Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	351.270.739	10.332.353.788	1.090.383.146	11.774.007.673
Số dư cuối kỳ	351.270.739	10.332.353.788	1.090.383.146	11.774.007.673
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	307.361.901	10.089.933.135	1.064.606.477	11.461.901.513
- Khấu hao trong kỳ	43.908.838	178.735.224	12.888.348	235.532.410
Số dư cuối kỳ	351.270.739	10.268.668.359	1.077.494.825	11.697.433.923
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	43.908.838	242.420.653	25.776.669	312.106.160
Tại ngày cuối kỳ	-	63.685.429	12.888.321	76.573.750

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.199.068.752 VND.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2021 là 32.280.567.675 VND trong đó khấu hao trong kỳ là 1.744.895.550 VND. Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số 01/2020-HĐCV-SĐBS/NHCT106-HEID ngày 16/07/2020 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ⁽ⁱ⁾	-	300.000.000
	<u>-</u>	<u>300.000.000</u>

⁽ⁱ⁾ Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Tuy nhiên, ngày 18/05/2021 Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã chuyển trả khoản tiền vốn góp trên do dự án đã dừng triển khai.

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công và Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn (công ty con) với tổng giá trị là 25.350.887.386 VND, trong đó:

- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công với giá trị 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 9 tháng tương ứng giá trị còn lại là 1.889.292.146 VND. Lợi thế thương mại đã phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ là 1.259.528.098 VND;
- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn với giá trị 160.325.427 VND được phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm 2019.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	90.646.380.036	90.646.380.036	7.543.745.298	7.543.745.298
- Nhà Máy in Bộ Quốc Phòng	6.834.945.855	6.834.945.855	-	-
- Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	5.319.509.050	5.319.509.050	-	-
- Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	5.730.954.353	5.730.954.353	-	-
- Công ty TNHH Phần mềm và Giải pháp Sao Khuê	-	-	7.695.553.340	7.695.553.340
- Phải trả cho các đối tượng khác	60.545.393.525	60.545.393.525	37.532.358.986	37.532.358.986
	169.077.182.819	169.077.182.819	52.771.657.624	52.771.657.624
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	99.349.235.596	99.349.235.596	11.039.545.999	11.039.545.999

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	562.854.762	888.537.276	859.939.080	-	591.452.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp	178.773.293	632.042.140	9.171.240.343	1.204.074.953	51.293	8.420.485.530
Thuế thu nhập cá nhân	6.630.113	2.477.969.779	2.321.553.727	3.662.664.006	-	1.130.229.387
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	269.586.464	269.586.464	-	-
Các loại thuế khác	4.843.000	36.621.602	68.123.957	10.000.000	4.843.000	94.745.559
	190.246.406	3.709.488.283	12.719.041.767	6.006.264.503	4.894.293	10.236.913.434

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	30.958.660	41.587.261
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản	58.593.669.775	24.348.191.709
Trích trước chi phí vận chuyển	3.152.629.000	1.166.434.000
Chi phí tập huấn sách	45.949.589.332	5.760.525.852
Trích trước chi phí bản quyền và dịch sách	2.661.220.994	2.661.220.994
Chi phí duy trì vận hành triển khai phần mềm Sao Khuê	6.997.266.417	-
Chi phí phải trả khác	9.250.727.115	1.449.868.202
	<u>126.636.061.293</u>	<u>35.427.828.018</u>

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Các khoản bảo hiểm phải nộp	546.829.475	444.762.170
Các khoản phải trả, phải nộp khác	393.410.800	346.929.157
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	14.000.000	14.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	379.410.800	332.929.157
	<u>940.240.275</u>	<u>791.691.327</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.575.933.000	1.569.835.000
	<u>1.575.933.000</u>	<u>1.569.835.000</u>

19. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	25.562.702.506	25.562.702.506	101.388.279.004	108.799.710.339	18.151.271.171	18.151.271.171
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	25.888.745.486	25.888.745.486	26.238.398.861	37.018.642.658	15.108.501.689	15.108.501.689
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	-	7.618.343.722		7.618.343.722	7.618.343.722
	51.451.447.992	51.451.447.992	135.245.021.587	145.818.352.997	40.878.116.582	40.878.116.582

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2021	01/01/2021
	VND			VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng kế ước	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	18.151.271.171	25.562.702.506
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng kế ước	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	15.108.501.689	25.888.745.486
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	VND	Theo từng kế ước	Quyền sở hữu và lợi ích (trừ lãi bằng tiền mặt) của trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.618.343.722	-
				40.878.116.582	51.451.447.992

Mục đích vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.934.655.948	71.600.088.528	19.238.020.574	38.774.757.399	1.468.373.055	283.015.895.504
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	27.428.368.092	(67.940.277)	27.360.427.815
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.500.000.000)	-	(19.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.480.975.000	-	(8.480.975.000)	-	-
Số dư cuối kỳ trước	150.000.000.000	1.934.655.948	80.081.063.528	19.238.020.574	38.222.150.491	1.400.432.778	290.876.323.319
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	1.934.655.948	84.085.450.855	21.240.214.238	48.549.970.208	1.579.481.582	307.389.772.831
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	34.717.048.377	21.812.481	34.738.860.858
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(102.000.000)	(18.102.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.030.711.290	-	(10.030.711.290)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(366.381)	-	(366.381)
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	1.934.655.948	94.116.162.145	21.240.214.238	55.235.940.914	1.499.294.063	324.026.267.308

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/02/2021, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2020 trên Báo cáo tài chính riêng		40.043.873.273
Đã tạm phân phối trong năm 2020 như sau		12.013.161.983
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	4.004.387.327
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	4.004.387.328
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	2.002.193.664
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	2.002.193.664
Phân phối phần lợi nhuận năm 2020 còn lại trong năm nay		28.030.711.290
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	25%	10.030.711.290
- Chi trả cổ tức	12%/cổ phần	18.000.000.000
<i>(Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.200 VND)</i>		
Lợi nhuận năm 2020 còn lại chưa phân phối		-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
AFC VF Limited	10.789.000.000	7,19%	10.586.000.000	7,06%
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	11.040.000	0,01%	7.581.890.000	5,05%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.570.890.000	5,05%	-	0,00%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	63.567.070.000	42,39%	63.770.110.000	42,52%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	14.000.000	14.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	18.102.000.000	19.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.102.000.000	19.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	18.102.000.000	19.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.102.000.000	19.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối kỳ	14.000.000	14.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	94.116.162.145	84.085.450.855
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.240.214.238	21.240.214.238
	115.356.376.383	105.325.665.093

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 30/06/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.423.785.909	1.044.000.000
- Từ 1 năm đến 5 năm	9.240.109.091	4.008.000.000
- Trên 5 năm	450.000.000	720.000.000

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công (Công ty con) ký hợp đồng thuê đất tại số K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội với Nhà nước nhằm mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình tòa nhà văn phòng cho thuê, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 10/08/2009. Diện tích đất thuê là 1.023 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành.

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	1.138.437.100	1.138.437.100
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 12	298.772.860	298.772.860
- Các đối tượng khác	2.163.877.841	2.163.877.841
	3.601.087.801	3.601.087.801

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	495.667.941.558	384.458.989.153
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	384.947.172.922	287.137.431.407
- Doanh thu sách tham khảo	58.134.811.410	45.477.533.546
- Doanh thu bán vật tư	715.900.128	1.557.092.571
- Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	51.870.057.098	50.286.931.629
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	3.733.768.916	3.812.650.249
	499.401.710.474	388.271.639.402
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	66.625.531.940	60.670.815.511

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	893.470.660	1.005.688.386
Hàng bán bị trả lại ⁽¹⁾	11.312.344.367	599.220.846
	12.205.815.027	1.604.909.232

⁽¹⁾ Trong đó, Hàng bán bị trả lại trong 6 tháng đầu năm 2021 gồm: nhận trả lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam với giá trị 10.483.753.120 VND (Xem Thuyết minh 7 và 8).

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	332.471.025.350	263.000.150.891
- Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	248.044.445.288	191.382.092.361
- Giá vốn bán sách tham khảo	44.317.288.977	32.486.742.376
- Giá vốn bán vật tư	890.923.669	1.617.905.462
- Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	39.218.367.416	37.513.410.692
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	1.954.134.850	1.713.228.480
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.943.919.206	3.379.969.549
	342.369.079.406	268.093.348.920
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	124.425.394.018	45.588.573.185

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.176.754.496	1.317.485.723
Cổ tức, lợi nhuận được chia	121.250.000	121.250.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	170.126.632	39.922.598
	2.468.131.128	1.478.658.321
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	121.250.000	121.250.000

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.319.884.980	2.722.145.400
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.143.487.552	5.842.525.441
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.920.010)	180.354.501
Chi phí tài chính khác	5.754	5.564.004
	6.459.458.276	8.750.589.346

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	200.021.711	112.096.902
Chi phí nhân công	18.547.095.856	14.181.672.573
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	99.773.106	60.258.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.944.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.160.149.129	25.684.099.770
Chi phí khác bằng tiền	11.477.436.084	10.882.671.375
	69.484.475.886	50.923.743.881
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	664.197.727	859.118.456

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.330.765	529.549.821
Chi phí nhân công	13.071.577.877	10.315.993.613
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	238.562.509	307.521.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.849.745.270	733.388.850
Thuế, phí và lệ phí	287.665.472	289.025.610
Chi phí dự phòng	2.369.962.657	7.313.856.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.080.505.288	2.748.240.100
Chi phí khác bằng tiền	3.469.435.634	3.458.252.209
Lợi thế thương mại	1.259.528.098	1.259.528.098
	28.746.313.570	26.955.356.261

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	8.265.677.381	6.282.972.589
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	905.562.962	909.114.029
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.171.240.343	7.192.086.618

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	713.157.003	1.004.917.005
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	713.157.003	1.004.917.005

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(291.760.002)	(214.161.975)
	(291.760.002)	(214.161.975)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	34.717.048.377	27.428.368.092
Các khoản điều chỉnh :	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	34.717.048.377	27.428.368.092
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.314	1.829

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.444.557.782	112.969.690.616
Chi phí nhân công	33.970.542.284	26.220.043.552
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	338.335.615	380.916.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.980.427.960	2.481.229.390
Thuế, phí và lệ phí	352.788.162	320.797.953
Chi phí dự phòng	2.369.962.657	7.313.856.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.212.013.024	133.960.741.847
Chi phí khác bằng tiền	16.672.266.254	14.454.436.608
Lợi thế thương mại	1.259.528.098	1.259.528.098
	300.600.421.836	299.361.240.659

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.250.344.758	-	172.955.652.798	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	302.984.169.678	(27.226.596.596)	70.755.843.506	(24.856.633.939)
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(100.128.890)	118.776.400	(104.048.900)
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
	474.565.790.836	(27.326.725.486)	257.042.772.704	(24.960.682.839)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	40.878.116.582	51.451.447.992
Phải trả người bán, phải trả khác	171.593.356.094	55.133.183.951
Chi phí phải trả	126.636.061.293	35.427.828.018
	339.107.533.969	142.012.459.961

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Đầu tư ngắn hạn	18.647.510	-	-	18.647.510
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
	<u>18.647.510</u>	<u>1.212.500.000</u>	<u>-</u>	<u>1.231.147.510</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư ngắn hạn	14.727.500	-	-	14.727.500
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
	<u>14.727.500</u>	<u>1.212.500.000</u>	<u>-</u>	<u>1.227.227.500</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay, khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.250.344.758	-	-	168.250.344.758
Phải thu khách hàng, phải thu khác	275.375.773.082	381.800.000	-	275.757.573.082
Các khoản cho vay	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	443.626.117.840	381.800.000	2.000.000.000	446.007.917.840
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.955.652.798	-	-	172.955.652.798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.517.409.567	381.800.000	-	45.899.209.567
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	2.000.000.000	12.000.000.000
	228.473.062.365	381.800.000	2.000.000.000	230.854.862.365

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	40.878.116.582	-	-	40.878.116.582
Phải trả người bán, phải trả khác	170.017.423.094	1.575.933.000	-	171.593.356.094
Chi phí phải trả	126.636.061.293	-	-	126.636.061.293
	337.531.600.969	1.575.933.000	-	339.107.533.969
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	51.451.447.992	-	-	51.451.447.992
Phải trả người bán, phải trả khác	53.563.348.951	1.569.835.000	-	55.133.183.951
Chi phí phải trả	35.427.828.018	-	-	35.427.828.018
	140.442.624.961	1.569.835.000	-	142.012.459.961

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

ĐS
C TY
PHU
ENT
VSC
M-V

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2021	năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa		66.625.531.940	60.670.815.511
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	191.703.195	180.472.218
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	41.564.207.674	32.222.248.902
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	28.773.906	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	511.548.547
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	510.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	8.391.581.222	5.132.601.377
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	3.484.333.384	3.868.635.714
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	2.477.419.027	2.160.961.213
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	277.070.800	917.541.340
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	3.662.831.002	7.051.899.094
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	702.820.700	1.029.858.840
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	759.857.590	1.692.602.951
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	7.560.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	54.960.600	15.836.600
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	5.021.902.840	5.884.909.615
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	1.699.100
Cổ tức và lợi nhuận được chia		121.250.000	121.250.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	121.250.000	121.250.000
Chi phí bán hàng		664.197.727	859.118.456
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	597.762.728
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	664.197.727	261.355.728

Giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2021	năm 2020
		VND	VND
Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản		124.425.394.018	45.588.573.185
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	-	1.771.993.434
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	98.665.947.201	24.165.242.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	99.295.295	69.086.910
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	250.855.225	127.547.419
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	5.813.133.670	5.079.084.840
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	7.430.954.353	6.221.348.287
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	177.701.650	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	29.822.000	2.094.355.239
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.785.804.975	-
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	2.680.000.000	575.000.000
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	182.345.039	18.858.994
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	5.009.374.322	3.293.675.460
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	434.160	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.586.673.498	2.076.609.482
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	59.086.130	71.021.120
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	653.966.500	24.750.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		42.178.072.691	25.051.442.876
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	6.044.104	-
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	26.285.697.948	24.630.830
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	277.070.800	119.081.310
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	6.967.602.156	1.016.214.230
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	2.689.449.768	808.412.205
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	-	740.897.394
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	702.820.700	1.222.080
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.300.779.324	2.541.355.894
Công ty CP Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	137.460.370	3.513.080.642
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	3.811.147.521	16.286.548.291

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo):

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn		6.649.506.539	6.453.129.097
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	6.649.506.539	6.453.129.097
Phải trả cho người bán ngắn hạn		99.349.235.596	11.039.545.999
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	-	1.687.117.564
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	90.646.380.036	7.543.745.298
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	-	3.430.000
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	565.292.748	755.790.350
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	17.214.000
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	5.319.509.050	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.818.053.762	1.032.248.787
Trả trước cho người bán		1.621.200.000	-
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục	Công ty mẹ	1.621.200.000	-

Thù lao, tiền lương, thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong kỳ, như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
		VND	VND
Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT	46.296.295	33.333.334
Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ 21/04/2021)	708.336.370	685.071.925
Ông Lê Thành Anh	Ủy viên HĐQT - kiêm Tổng giám đốc (bỏ nhiệm từ 21/04/2021)	86.456.198	-
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm từ 21/04/2021)	16.296.296	26.666.666
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên HĐQT - kiêm Phó Tổng Giám đốc	658.343.083	559.089.905
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên HĐQT - kiêm Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ tháng 8/2020)	-	597.715.530
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ủy viên HĐQT	20.740.741	-
Bà Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên HĐQT - kiêm Kế toán trưởng	634.369.896	529.487.348
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ tháng 8/2020)	-	558.648.864
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc	372.715.636	-
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng giám đốc	181.855.716	-
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng giám đốc	17.804.000	-
Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	21.111.111	13.333.334
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát	11.851.852	6.666.666
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên Ban Kiểm soát	11.851.852	6.666.666

